TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST Ngày 08/8/2024	
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường;

Ông Nguyễn Xuân Chung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lưu Thị Trưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Dương Văn T, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị* Nguyễn Thị K *trình bày:*

Chị và anh Dương Văn T kết hôn ngày 22/3/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã B, huyện L.

Sau khi kết hôn, chị và anh T về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu hai người sống hạnh phúc và đã có 3 con chung:

1. Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013;

2. Dương Phương A, sinh ngày 26/7/2014;

3. Dương Gia H, sinh ngày 22/9/2016.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Hai vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, không cùng quan điểm sống, anh T thường xuyên đánh đập chị, hai bên gia đình đã đứng ra hòa giải nhiều lần, nhưng anh T vẫn bạo hành với chị. Đến tháng 3/2024 vợ chồng lại cãi nhau, sau đó chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 3 con chung như trình bày ở trên, hiện 3 con đang ở với anh T. Ly hôn chị xin nuôi 2 con Dương Như Q và Dương Phương A. Để anh Thị nuôi con Dương Gia H.

Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị đã được Tòa án cho xem lời khai của 3 con chị, chị là người trực tiếp đưa các cháu đến Tòa án làm việc, các cháu trình bày tại Tòa án là khách quan.

Anh Thị xin nuôi 3 con, chị không đồng ý.

Hiện nay chị đi làm công nhân, thu nhập đủ để nuôi con, ngoài ra chị còn có bố mẹ đẻ hỗ trợ chị về chăm sóc các con và chỗ ăn chỗ ở. Vì vậy chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này có khó khăn, chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

- Về tài sản: Để chị và anh Thị T1 thỏa thuận giải quyết.

** Bị đơn anh* Dương Văn T *trình bày*:

- Vè quan hệ hôn nhân: Anh và chị K kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L.

Trong quá trình chung sống anh và chị K phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 4/2024 thì hai vợ chồng sống ly thân, chị K xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị K có 3 con chung như chị K trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh xin nuôi cả 3 con, anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại anh đang làm nghề lái xe, thu nhập từ 12-15 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản: Để anh và chị K tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Các đương sự trình bày như sau:

- Chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị và anh Dương Văn T kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L. Trong những năm gần đây, anh T hay bạo hành với chị, đã nhiều lần chị bị anh T đánh và đe doạ. Do không chịu được, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, nên đề nghị Toà án cho được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 3 con chung là: Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013; Dương Phương A, sinh ngày 26/7/2014 và Dương Gia H, sinh ngày 22/9/2016. Ly hôn, chị xin nuôi 2 con là Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013; Dương Phương A, sinh ngày 26/7/2014. Để anh Thị nuôi con Dương Gia H, sinh ngày 22/9/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị nuôi 2 con, nên chị đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013 là 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Để chị và anh Thị T1 thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Anh Dương Văn T trình bày: Anh công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị K trình bày là đúng. Những năm gần đây, anh và chị K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã có lần anh bạo lực với chị K. Anh và chị K đã sống ly thân, chị K xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị K có 3 con chung như chị K trình bày là đúng. Hiện 3 con đang ở với anh, ly hôn anh xin nuôi cả 3 con, anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản: Để anh và chị K tự thoả thuận giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Bị đơn từ khi thụ lý vụ án, đến trước thời điểm mở phiên toà không chấp hành các quy định của BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều: 28, 147, 171 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 và 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Dương Văn Thị .

- Về con chung: Giao cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng 2 con là Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013; Dương Phương A, sinh ngày 26/7/2014. Giao cho anh T trực tiếp nuôi con Dương Gia H, sinh ngày 22/9/2016.

Anh Thị phải cấp dưỡng nuôi con chung Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013 cho chị K là 1.600.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị K đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Anh Thị phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị K có đơn xin ly hôn và giải quyết về con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Dương Văn T kết hôn ngày 22/3/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã B, huyện L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị K trình bày: Những năm gần đây hai vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, không cùng quan điểm sống, anh T thường xuyên đánh đập chị, hai bên gia đình đã đứng ra hòa giải nhiều lần, nhưng anh T vẫn bạo hành với chị. Đến tháng 3/2024 vợ chồng lại cãi nhau, sau đó chị về nhà bố mẹ đẻ ở.

Còn theo anh T trình bày: Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; anh T trình bày tại phiên toà đã có lần đánh chị K. Đến nay không còn tỉnh cảm, chị K xin ly hôn, anh đồng ý.

Xét thấy: Căn cứ vào lời khai của chị K, anh T và các tài liệu do Tòa án thu thập, xác định mâu thuẫn vợ chồng là do những năm gần đây chị K và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau. Hiện tại chị K và anh T đã sống ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị K và anh T về đoàn tụ. Tuy nhiên chị K cương quyết xin ly hôn và từ chối hòa giải đoàn tụ; tại phiên toà anh T cũng đồng ý ly hôn. Như vậy cả chị K và anh T đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị K và anh T.

[2.3] Về con chung: Chị K và anh T có 3 con chung là:

1. Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013;
2. Dương Phương A, sinh ngày 26/7/2014;
3. Dương Gia H, sinh ngày 22/9/2016.

Hiện 3 con đang ở với anh T.

Chị K có nguyện vọng nuôi cả hai con; anh T có nguyện vọng nuôi cả 3 con.

Xét thấy: Nuôi con vừa là quyền, nghĩa vụ của của cả bố và mẹ; các đương sự xin nuôi con chung là quyền chính đáng của các đương sự. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cả 3 con, các cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Các con Dương Như Q và Dương Phương A là con gái, đang ở độ tuổi phát

triển, nên cần có sự chăm sóc của mẹ hơn. Nên cần giao cho chị K trực tiếp nuôi 2 con chung là Dương Như Q và Dương Phương A; giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là Dương Gia H là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị K đối với con Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013 với mức 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp, cần chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị K và anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị K là nguyên đơn xin tự nguyên nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 150.000 đồng, cần chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

Anh Thị phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 55, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Dương Văn Thị .

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 con là: Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013 và Dương Phương A, sinh ngày 26/7/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Dương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc Dương Gia H, sinh ngày 22/9/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Thị phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị K là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) đối với con Dương Như Q, sinh ngày 04/01/2013 kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị K và anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều X chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008290 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trả lại chị Nguyễn Thị K 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh Dương Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Thị Giang;
- UBND xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, BG;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh